



Module 4: SURVIVAL

SPARK 9 - WORD LIST

	NOUN	VERB	ADJ	ADV	NOTE
1	accident				by accident chance on
2		blame cá buôc	= innocent ngây thối/vô tội		blame sb/sth (doing) sth blame sth sb/sth các bước đi đến chỗ vào ai
3	death	die	deadly = dangerous / active		
4	rail rào	derail ↳ phá rào			
5		destroy phá hủy gây / nổ		destructively	
6		explode vụ nổ			
7	flood	flood lũ lụt			- area thị trấn bị ngập
8		injure			she injured những ng bị thương
9	miracle thần kỳ			miraculously	SYN extraordinary, phenomenal phi thường
10		miss			
11	passenger ferry tàu khu trục khách				đạt đến thành công
12	peak	peak đỉnh / hàng công	peak		- reach its peak - peaks and troughs the peak of sth